



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/ of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm

Laboratory: Laboratory

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH KPF Việt Nam

Organization: KPF VINA Co.,Ltd

Số hiệu/ Code: VILAS 1274

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ

Field: Mechanical

Người quản lý: Nguyễn Văn Hai

Laboratory manager: Nguyen Van Hai

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Từ ngày/ from /02/2026 đến ngày/ to /02/2031

Địa chỉ:
Address: Lô XN2 và lô XN2-1A, KCN Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng
Plot XN2 and plot XN2-1A, Dai An Expansion Industrial Zone, Tu Minh Ward, Hai Phong City

Địa điểm:
Location: Lô XN2 và lô XN2-1A, KCN Đại An, phường Tứ Minh, thành phố Hải Phòng
Plot XN2 and plot XN2-1A, Dai An Expansion Industrial Zone, Tu Minh Ward, Hai Phong City

Điện thoại/ Tel: 0220 3555 127

Email: hong.tranhi@kpf-global.com

Website:

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1274

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Bu lông Bolts	Thử kéo trên đệm nghiêng, xác định độ bền kéo <i>Tensile test under wedge loading, determination of tensile strength</i>	(10 ~ 1000) kN	ISO 6892-1: 2019 ISO 898-1: 2013 ASTM F606/ F606M-25 KS B 0233: 2020
2.		Thử kéo mẫu thử gia công, xác định: - Giới hạn chảy (MPa) - Độ bền kéo (MPa) - Độ giãn dài (%) - Độ co thắt (%) <i>Tensile test for machined test piece, determination of:</i> - Yield point (MPa) - Tensile strength(MPa) - Elongation (%) - Percentage reduction of area (%)	(10 ~ 1000) kN	ISO 6892-1: 2019 ISO 898-1: 2013 ASTM F606/ F606M-25 KS B 0233: 2020
3.		Thử kéo <i>Tensile test</i>	(10 ~ 1000) kN	ISO 6892-1: 2019 ISO 898-1: 2013 ASTM F606/ F606M-25 KS B 0233: 2020
4.		Thử tải trọng <i>Proof load test</i>	(10 ~ 1000) kN	ISO 6892-1: 2019 ISO 898-1: 2013 ASTM F606/ F606M-25 KS B 0233: 2020
5.		Đo độ cứng Rockwell <i>Measurement of Hardness Rockwell</i>	(70 ~ 100) HRB (19 ~ 67) HRC	ASTM A370-24 ASTM E18-24 ASTM F606/ F606M-25 ISO 6508-1: 2023
6.		Đo độ cứng Vicker <i>Measurement of Hardness Vicker (microhardness)</i>	Tải trọng/ Load (10 ~ 1000) N	ASTM E384-22 ISO 6507-1: 2023

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1274

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Bu lông <i>Bolts, screws</i>	Thử độ dai va đập <i>Impact charpy test</i>	-40 °C đến nhiệt độ phòng/ <i>from - 40°C to room temperature</i> Đến/ <i>Up to 406J</i>	ASTM A370-24 ASTM E23-25 ISO 148-1: 2016
8.		Đo chiều sâu lớp thoát Carbon - Phương pháp đo độ cứng HV - Phương pháp kim tương <i>Measurement of decarburization:</i> - <i>HV hardness measurement method</i> - <i>Microstructure method</i>	Min 2µm	ASTM F2328-17 ISO 898-1:2013
9.	Bu lông cường độ cao <i>High strength bolts</i>	Thử khả năng chống xoay <i>Rotational capacity test</i>	(50 ~ 550) kN	ASTM F3125/ F3125M-25
10.		Thử lực xiết <i>Axial force test</i>	(80 ~ 550) kN	JSS II-09:2015
11.	Bu lông mạ <i>Coated bolts</i>	Thử phun sương muối <i>Salt spray test</i>		ISO 9227: 2022
12.		Đo độ dày lớp phủ bằng phương pháp từ <i>Measurement of coating thickness – magnetic method</i>	(20 ~ 2000) µm	ASTM B499:2021
13.	Bu lông <i>Bolts</i>	Kiểm tra ngoại quan <i>Visual check</i>	-	ASTM F788-20 LKPFV.WI.02:2025
14.		Đo các kích thước bằng các thiết bị (Thước cặp, Panme, máy chiếu 2D, dưỡng thử ren, đo độ thẳng và độ đồng tâm) <i>Measurement of dimension by devices (Caliper, Micrometer, 2D Vision Measuring machine, Thread ring gauge, straightness and concentricity measurement)</i>	(0,01~ 500) mm	LKPFV.WI.01:2025

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1274

Chú thích/ Notes:

- ASTM: *The American Society for Testing and Materials*
- ISO: *International Organization for Standard*
- JIS B: *Japanese Industrial Standards for Mechanical Engineering*
- JSS: *Standard of Japanese Society of Steel Construction*
- KS B: *Korean Standard for Machine Sector*
- SAE: *Society of Automotive Engineers*
- LKPFV.WI...: *Phương pháp do PTN xây dựng/ Laboratory developed method*

Trường hợp Công ty TNHH KPF Việt Nam cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH KPF Việt Nam phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for KPF VINA Co.,Ltd that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

